

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	12

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

### **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy Chứng nhận  
đăng ký doanh nghiệp  
công ty cổ phần**

Đăng ký lần đầu số 4703000375 ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 3600252847 ngày 25 tháng 12 năm 2012.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành Viên
Ông Cheah KimTeck	Thành Viên
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành Viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành Viên
Ông Chiew Sin Cheok	Thành Viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Mọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Trần Bá Dương	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

**Trụ sở chính**

Số 19, Đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2,  
Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (ViệtNam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

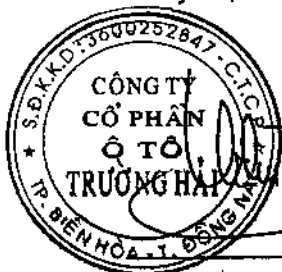
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc

TP. Biên Hòa, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 27 tháng 3 năm 2013



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu  
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

  
Đặng Quốc Tuấn  
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3485  
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.211.584.159</b>	<b>5.266.469.014</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>257.060.697</b>	<b>184.070.823</b>
111	Tiền		256.249.447	170.373.118
112	Các khoản tương đương tiền		811.250	13.697.705
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4(a)</b>	<b>43.647.973</b>	<b>4.651.615</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		43.647.973	4.651.615
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.250.161.277</b>	<b>860.906.060</b>
131	Phải thu khách hàng	5	538.447.229	622.271.883
132	Trả trước cho người bán	6	1.358.733.908	156.529.055
135	Các khoản phải thu khác	7(a)	356.944.657	91.042.430
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.964.517)	(8.937.308)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>3.385.032.581</b>	<b>3.993.303.184</b>
141	Hàng tồn kho		3.388.032.471	3.993.328.868
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.999.890)	(25.684)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>275.681.631</b>	<b>223.537.332</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	86.976.443	45.920.993
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		58.492.899	102.730.379
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.164.902	7.322.716
158	Tài sản ngắn hạn khác	10	126.047.387	67.563.244

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã Số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.507.115.041</b>	<b>4.941.643.277</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>65.000.000</b>	<b>-</b>
218	Phải thu dài hạn khác	7(b)	65.000.000	-
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>4.712.976.296</b>	<b>4.272.935.733</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.353.280.925	1.895.484.495
222	Nguyên giá		3.382.975.525	2.589.240.646
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.029.694.600)	(693.756.151)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	1.768.111.782	1.380.781.012
228	Nguyên giá		1.791.904.310	1.398.225.553
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.792.528)	(17.444.541)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11(c)	591.583.589	996.670.226
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	4(b)	<b>1.025.742.732</b>	<b>68.951.402</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		986.542.863	5.790.143
258	Đầu tư dài hạn khác		67.500.369	101.594.450
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(28.300.500)	(38.433.191)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>703.396.013</b>	<b>599.756.142</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	406.437.381	284.134.272
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21	11.048.450	8.079.312
268	Tài sản dài hạn khác		1.054.529	486.208
269	Lợi thế thương mại	13	284.855.653	307.056.350
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>12.718.699.200</b>	<b>10.208.112.291</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã Số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.201.520.843</b>	<b>5.707.843.527</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.479.339.541</b>	<b>5.557.247.599</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	5.684.908.738	3.693.378.835
312	Phải trả người bán	15	1.217.885.144	1.256.326.789
313	Người mua trả tiền trước		66.281.872	49.510.572
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	255.035.209	326.651.704
315	Phải trả người lao động		1.064.138	45.915.457
316	Chi phí phải trả	17	157.619.788	42.591.009
319	Các khoản phải trả khác	18	16.397.403	55.531.659
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	46.716.109	48.960.474
323	Quý khen thưởng, phúc lợi	20	33.431.140	38.381.100
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>722.181.302</b>	<b>150.595.928</b>
333	Phải trả dài hạn khác		100.000	100.000
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	711.361.164	139.662.084
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		109	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	5.200.097
338	Doanh thu chưa thực hiện		10.720.029	5.633.747
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.433.711.952</b>	<b>4.411.582.373</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.433.711.952</b>	<b>4.411.582.373</b>
411	Vốn cổ phần	22, 23	3.250.000.000	2.500.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	858.035.894	858.035.894
414	Cổ phiếu quỹ	23	(6.840.000)	(6.840.000)
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23	-	19.673.243
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23	332.516.058	1.040.713.236
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>83.466.405</b>	<b>88.686.391</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>12.718.699.200</b>	<b>10.208.112.291</b>

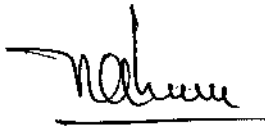
Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.



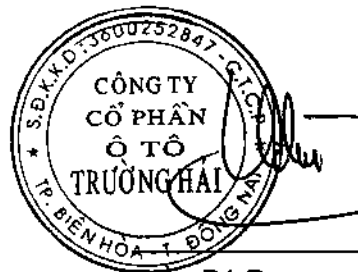
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 120.989 đô la Mỹ (2011: 69.924 đô la Mỹ), 298.149 Yên Nhật (2011: 6.503.792 Yên Nhật) và 1.450.000 Won Hàn Quốc (2011: không).



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
01	Doanh thu		11.302.309.101	12.895.076.550
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(913.109.874)	(1.283.885.475)
10	Doanh thu thuần	26(a)	10.389.199.227	11.611.191.075
11	Giá vốn hàng bán	27	(8.733.264.835)	(9.708.386.351)
20	Lợi nhuận gộp		1.655.934.392	1.902.804.724
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26(b)	73.997.251	30.999.903
22	Chi phí tài chính	28	(618.134.770)	(392.821.897)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(584.600.149)	(241.395.537)
24	Chi phí bán hàng	29	(480.286.796)	(477.514.443)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(362.197.136)	(359.657.229)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		269.312.941	703.811.058
31	Thu nhập khác		102.754.228	36.621.658
32	Chi phí khác		(107.411.602)	(39.672.304)
40	Chi phí khác – Số thuần	31	(4.657.374)	(3.050.646)
45	Phần lỗ từ công ty liên doanh, liên kết		(2.081.151)	(1.367.822)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		262.574.416	699.392.590
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	(20.213.955)	(25.629.774)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21, 32	2.969.029	(515.966)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		245.329.490	673.246.850
61	Lợi ích cổ đông thiểu số		(3.734.606)	(3.748.957)
62	Lợi nhuận thuần sau thuế		241.594.884	669.497.893
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	25	966	2.679



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



  
Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
			2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>262.574.416</b>	<b>699.392.590</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		401.170.027	285.283.406
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(19.575.738)	(16.119.874)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(26.220.080)	(16.521)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.832.421)	(11.591.914)
06	Chi phí lãi vay	28	584.600.149	241.395.537
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.188.716.353</b>	<b>1.198.343.224</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(235.411.559)	(204.256.200)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		595.465.288	(1.186.891.273)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(282.532.903)	168.710.668
12	Tăng các chi phí trả trước		(82.597.182)	(9.682.124)
13	Tiền lãi vay đã trả		(581.535.319)	(224.107.497)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.055.488)	(42.287.992)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.433.350	2.018.991
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.016.524)	(3.816.510)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>590.466.016</b>	<b>(301.968.713)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(754.551.278)	(893.939.479)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ		2.371.160	1.769.358
23	Chi cho vay các đơn vị khác		(44.663.840)	(4.230.000)
24	Thu hồi cho vay		650.000	4.230.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.098.237.306)	-
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.090.805	125.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.057.950	14.636.550
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.845.282.509)</b>	<b>(877.408.571)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(6.840.000)
33	Tiền vay nhận được		19.648.059.705	8.774.164.475
34	Chi trả nợ gốc vay		17.080.401.811)	(6.935.547.628)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	24	(239.866.952)	(584.553.823)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.327.790.942</b>	<b>1.247.223.024</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>72.974.449</b>	<b>67.845.740</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	3	<b>184.070.823</b>	<b>116.162.632</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi		15.425	62.451
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>257.060.697</b>	<b>184.070.823</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 6 tháng 4 năm 2007.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần hiện hành là Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 11 số 3600252847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 12 năm 2012.

Hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp ô tô tải, ô tô khách;
- Sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán xe ô tô và xe có động cơ (cũ và mới);
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đốn gỗ và cần cẩu trong xây dựng;
- Đại lý môi giới đấu giá;
- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Dạy nghề cho công nhân; và
- Kinh doanh trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng ăn uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 6.657 nhân viên (2011: 6.145 nhân viên).

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư vào 35 công ty con như sau:

STT	Tên giao dịch	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	100,00%
2	Công ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Sản xuất ô tô	100,00%
3	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Vật Tư Thiết Bị	Cung ứng vật tư, thiết bị, phụ tùng thủy lợi	99,94%
4	Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Hạ tầng KCN	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận chuyển	100,00%
7	Công ty TNHH MTV Vận Tải - Giao Nhận - Phân Phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	100,00%
8	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chuyên Dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
9	Công ty TNHH Vận Tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	100,00%
10	Công ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô tô An Thành Phát	Sản xuất xe ô tô	100,00%
11	Công ty TNHH MTV Gia Công Thép Chu Lai Trường Hải	Sản xuất – Kinh doanh thép	100,00%
12	Công ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Chuyên Dụng Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
13	Công ty TNHH MTV SX&LR Ô Tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	100,00%
14	Công ty TNHH Sản Xuất & Lắp Ráp Ô tô Vina - Mazda (*)	Sản xuất ô tô	35,00%
15	Công ty TNHH MTV Thương Mại Sản Xuất Diệt Bông	Kinh doanh thương mại	100,00%
16	Công ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng ô tô	100,00%
17	Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Kinh doanh ô tô	100,00%
18	Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	100,00%
19	Công ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải	Kinh doanh ô tô	51,00%
20	Trường Cao Đẳng Nghề Chu Lai Trường Hải	Đào tạo nghề	100,00%
21	Công ty TNHH Thương Mại Vỏ Xe Triều Hải	Kinh doanh thương mại	75,00%
22	Công ty TNHH MTV Chè Thuận Phát	Kinh doanh ô tô	100,00%
23	Công ty Cổ phần Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	51,00%
24	Công ty TNHH MTV SX &LR Điện Lạnh Trường Hải	Sản xuất cơ khí	100,00%
25	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	100,00%
26	Công ty TNHH MTV Vĩnh Cát	Kinh doanh ô tô	100,00%
27	Công ty TNHH MTV Hóa Chất Chuyên Dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	100,00%
28	Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Trường Hải - Bình Phước	Kinh doanh vận tải	100,00%
29	Công ty TNHH MTV Phân Phối Xe Ô tô Du Lịch Chu Lai Trường Hải	Phân phối xe du lịch	100,00%
30	Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Tây Ninh - Trường Hải (**)	Kinh doanh ô tô	100,00%
31	Công ty TNHH Một Thành Viên Bắc Ninh Trường Hải	Kinh doanh ô tô	100,00%
32	Công ty TNHH MTV ĐT PTHT KCN Cơ Khí Ô tô Nam Tam Anh	Xây dựng	100,00%
33	Công ty TNHH MTV SX Linh Kiện Nhựa Chu Lai Trường Hải	Kinh doanh phụ tùng	100,00%
34	Công ty TNHH Một Thành Viên Carven	Kinh doanh ô tô	100,00%
35	Công ty TNHH MTV SX Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất thủy tinh	100,00%

(\*) Công ty nắm giữ quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con này.

(\*\*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa góp vốn đầu tư vào công ty con này.

**2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Hợp nhất báo cáo*****Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian mười năm.

Đối với việc hợp nhất kinh doanh liên quan tới các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung, các tài sản đem trao đổi và các khoản nợ phải trả hoặc đã nợ tiềm tàng đã thừa nhận được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi, không tính đến phạm vi quyền lợi cổ đông thiểu số. Chênh lệch giữa số tiền đã trả ra để mua với giá trị ghi sổ tổng hợp của tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần. Không có lợi thế thương mại nào được tạo ra từ việc hợp nhất kinh doanh của các doanh nghiệp cùng dưới sự kiểm soát chung.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.2 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)*****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số***

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

***Liên doanh và công ty liên kết***

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo ngàn đồng Việt Nam.

Trong năm 2012, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, thay vì áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá như trước đây.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.9 Đầu tư**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được Tập đoàn nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các khoản đầu tư cao hơn giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**(b) Đầu tư dài hạn**

- (i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 12 tháng và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii) Các khoản đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.10 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh cho xe, CKD và bình quân gia quyền cho những hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)***Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng chủ yếu hàng năm như sau:

## Thời gian hữu dụng ước tính

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính và giấy phép sản xuất	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.11 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa giá phí mua cao hơn giá trị thị trường của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần xác định được của công ty con bị mua tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến năm tài chính kế toán tiếp theo và các khoản chi này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất của các năm tài chính kế toán sau.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.14 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia**

Thu nhập cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận trong năm khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức/lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

**2.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.16 Chia cổ tức**

Phần cổ tức của cổ đông của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội cổ đông thông qua hoặc Hội đồng Quản trị phê chuẩn (trong trường hợp tạm chia cổ tức trong năm).

**2.17 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Các khoản dự phòng, bao gồm cả dự phòng bảo hành cho chi phí sửa chữa và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

**2.19 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Khi mua lại cổ phiếu vốn đã phát hành của Tập đoàn (cổ phiếu quỹ), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được hủy hoặc tái phát hành. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán đi hoặc tái phát hành, số tiền nhận được trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán đi hoặc tái phát hành được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Tiền mặt	5.625.673	7.883.190
Tiền gửi ngân hàng	249.933.774	162.489.928
Tiền đang chuyển	690.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	811.250	13.697.705
	<u>257.060.697</u>	<u>184.070.823</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tính từ ngày gửi.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

		<b>2012</b>	<b>2011</b>
		<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn	(*)	41.616.090	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng	(**)	1.614.681	1.614.681
Ông Nguyễn Phi Kha	(**)	417.202	3.036.934
		<u>43.647.973</u>	<u>4.651.615</u>

(\*) Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tính từ ngày gửi.

(\*\*) Là các khoản cho vay ngắn hạn có tính lãi theo lãi suất cho vay cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

		<b>2012</b>	<b>2011</b>
		<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(i)	986.542.863	5.790.143
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	67.500.369	101.594.450
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(iii)	(28.300.500)	(38.433.191)
		<u>1.025.742.732</u>	<u>68.951.402</u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

	Tỷ lệ sở hữu %	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh (*)	30,00	908.938.982	-
Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung (**)	51,00	72.899.370	-
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	50,00	4.704.511	5.790.143
		<u>986.542.863</u>	<u>5.790.143</u>

(\*) Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh là một công ty kinh doanh bất động sản.

(\*\*) Ngày 6 tháng 3 năm 2012, Công ty đã đầu tư 3.500.000 đô la Mỹ (tương đương 3.917.166.424 Won Hàn Quốc) để mua cổ phần của Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung tại Hàn Quốc.

Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung do ông Yun Young Lae đại diện, là một công ty sản xuất phương tiện chuyên dụng và máy móc thiết bị dùng cho mục đích thông thường, trang thiết bị xử lý và nâng hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa nắm giữ quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung.

(ii) Đầu tư dài hạn khác:

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á ("Ngân hàng Đại Á") (*)	62.500.218	62.500.218
Công ty TNHH MTV Trường Phú	5.000.000	5.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	151	34.094.232
	<u>67.500.369</u>	<u>101.594.450</u>

(\*) Khoản đầu tư bằng hình thức mua cổ phần của Ngân hàng Đại Á, như sau:

	Tại ngày 31.12.2012 1.000 đồng	Số lượng cổ phiếu Tập đoàn đang nắm giữ	Giá trung bình mỗi cổ phiếu 1.000 đồng
Ngân hàng Đại Á	<u>62.500.218</u>	<u>3.420.118</u>	<u>18</u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(iii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập thêm giảm giá đầu tư	38.433.191 (10.132.691)	37.970.931 462.260
Số dư cuối năm	<u>28.300.500</u>	<u>38.433.191</u>

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Bên thứ ba	535.461.199	619.290.080
Các bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(i))	2.986.030	2.981.803
	<u>538.447.229</u>	<u>622.271.883</u>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Bên thứ ba	<u>1.358.733.908</u>	<u>156.529.055</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, những khoản trả trước trọng yếu bao gồm:

	<b>1.000 đồng</b>	<b>Mục đích</b>
Công ty CP Đầu Tư Mai Linh (*)	1.102.079.682	Tạm ứng mua cổ phần
Ông Bùi Ngọc Thành	99.994.000	Tạm ứng mua đất Dự án 145 Phan Đăng Lưu
Công ty TNHH Thăng Long (**)	62.000.000	Tạm ứng mua dự án Thăng Long - 541 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
Cty CP Khoáng Sản và Năng Lượng An Phú	20.000.000	Tạm ứng mua đất
Ông Phùng Bá Thanh và Bà Nguyễn Thị Chất	9.770.180	Tạm ứng mua đất dự án Foton Hòa Bình

(\*) Số dư trả trước cho Công ty CP Đầu Tư Mai Linh là khoản tạm ứng tiền mua cổ phần của một công ty kinh doanh bất động sản.

(\*\*) Ngày 28 tháng 8 năm 2008, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Thăng Long về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án và khai thác kinh doanh "Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và căn hộ cao cấp" tại địa chỉ Số 541 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP. Hà Nội.



**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

Ngày 26 tháng 3 năm 2012, Công ty và Công ty TNHH Thăng Long đã ký kết Thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp – Thăng Long Tower”. Giá trị chuyển nhượng là 62 tỷ đồng, trong đó bao gồm: giá trị tài sản trên đất: 12,5 tỷ đồng và giá trị bồi thường thiệt hại do thôi không thực hiện dự án, ngừng hoạt động: 49,5 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các thủ tục chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất.

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Ông Nguyễn Hữu Thùy (Thuyết minh 7(b))	-	65.000.000
Bên thứ ba (*)	356.299.528	25.759.221
Các bên liên quan (Thuyết minh 35(b)(ii))	288.752	120.849
Phải thu khác từ nhân viên	356.377	162.360
	<u>356.944.657</u>	<u>91.042.430</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm:

	<b>1.000 đồng</b>	<b>Mục đích</b>
Công ty CP Đầu Tư Mai Linh	186.140.500	Hỗ trợ vốn kinh doanh tạm thời.
Công ty CP Đầu Tư Địa Ốc Đại Quang Minh	<u>150.000.000</u>	Hỗ trợ vốn kinh doanh tạm thời.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản cho ông Nguyễn Hữu Thùy, một nhân viên của Tập đoàn vay. Đây là khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất. Theo phụ lục hợp đồng Công ty ký với ông Nguyễn Hữu Thùy, khoản phải thu này được gia hạn từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 9 năm 2014. Theo đó, Tập đoàn đã phân loại lại khoản cho vay này là một khoản phải thu dài hạn.

**8 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	1.202.711.278	849.257.845
Nguyên vật liệu tồn kho	952.163.015	1.419.153.790
Công cụ, dụng cụ trong kho	4.625.985	5.420.169
Chi phí SXKD dở dang	53.321.764	55.130.058
Thành phẩm tồn kho	867.348.745	1.277.827.830
Hàng hóa	307.861.684	386.539.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2.999.890)	(25.684)
	<u>3.385.032.581</u>	<u>3.993.303.184</u>

**8 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

(\*) Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	25.684	18.237.081
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh (27))	2.974.206	(18.211.397)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	2.999.890	25.684
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Công cụ, dụng cụ	7.699.338	15.214.695
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	1.479.804	2.838.679
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	65.689.572	12.733.031
Các chi phí khác	12.107.729	15.134.588
	<hr/>	<hr/>
	86.976.443	45.920.993
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Tạm ứng (*)	107.627.455	45.811.043
Ký quỹ thư tín dụng ngân hàng	16.474.216	21.553.136
Khác	1.945.716	199.065
	<hr/>	<hr/>
	126.047.387	67.563.244
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng cho nhân viên 78,5 tỷ đồng, dùng để thay mặt Tập đoàn thanh toán cho các khoản mua đất.

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 54.916 triệu đồng (2011: 35.801 triệu đồng).

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm 2012 là 6.453 triệu đồng (năm 2011: 0 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 743.645 triệu đồng (2011: 399.049 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất 1.000 đồng	Phần mềm máy tính 1.000 đồng	Bảng phát minh sáng chế 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.392.366.888	5.437.487	421.178	1.398.225.553
Mua sắm mới	-	389.890	-	389.890
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 11(c))	399.701.334	-	-	399.701.334
Tăng khác	30.000	-	-	30.000
Thanh lý	(914.455)	-	-	(914.455)
Giảm khác	(5.528.012)	-	-	(5.528.012)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.785.655.755	5.827.377	421.178	1.791.904.310
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	14.866.011	2.295.827	282.703	17.444.541
Khấu hao trong năm	4.739.587	1.575.384	36.231	6.351.202
Thanh lý	-	-	-	-
Giảm khác	(3.215)	-	-	(3.215)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	19.602.383	3.871.211	318.934	23.792.528
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.377.500.877	3.141.660	138.475	1.380.781.012
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.766.053.372	1.956.166	102.244	1.768.111.782

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.431 triệu đồng (2011: 531 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 1.503.859 triệu đồng (2011: 687.970 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn.

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã ủy quyền cho những cá nhân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tập đoàn như sau:

- (i) Bà Viên Diệu Hoa là thành viên Hội Đồng Quản Trị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A829320, ngày 18 tháng 10 năm 1996 tại 36C11 Ấp 3C, Quốc Lộ 1A, Huyện Bình Chánh với tổng nguyên giá là 19.000 triệu đồng;
- (ii) Ông Đỗ Hoài Nam là nhân viên phòng Hành Chánh Nhân Sự đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK895078, ngày 29 tháng 8 năm 2007 tại Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang với tổng nguyên giá 150 triệu đồng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R932258 ngày 19 tháng 4 năm 2001 tại Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá 9.450 triệu đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC614753, ngày 10 tháng 9 năm 2011 tại Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, với tổng nguyên giá 3.328 triệu đồng.

Việc ủy quyền trên không ảnh hưởng đến quyền sở hữu hợp pháp của Tập đoàn đối với các tài sản liên quan.

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	996.670.226	589.178.262
Tăng	786.849.763	1.374.133.441
Giảm:		
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(761.028.675)	(702.237.967)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11(b))	(399.701.334)	(217.729.749)
- Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.817.471)	(22.536.191)
- Khác	(14.388.920)	(24.137.570)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>591.583.589</u>	<u>996.670.226</u>

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)**

Chi tiết các dự án quan trọng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	1.000 đồng	Mục đích của dự án
Dự án phòng trưng bày xe ô tô thương mại Q7	136.578.621	Xây dựng phòng trưng bày ô tô tại Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Dự án Tây Ninh	89.636.068	Xây dựng trung tâm thương mại tại Tỉnh Tây Ninh
Dự án Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô	61.128.420	Xây dựng nhà máy cho một công ty con mới tại Chu Lai
Dự án Showroom Kia Đà Nẵng	28.633.453	Xây dựng phòng trưng bày ô tô Kia tại Đà Nẵng
Dự án TT Thương mại Cần Thơ	26.135.250	Xây dựng trung tâm thương mại Cần Thơ
Dự án Hòa Thuận	24.963.626	Xây dựng Khu Dân Cư Hòa Thuận, Tam Kỳ, Quảng Nam
Dự án Nguyễn Văn Trỗi	24.039.747	Xây dựng phòng trưng bày ô tô tại Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Dự án Q7 giai đoạn 3	23.716.797	Xây dựng phòng trưng bày ô tô tại Quận 7, TP.HCM giai đoạn 3
Dự án Nghệ An	14.818.055	Xây dựng phòng trưng bày ô tô tại Tỉnh Nghệ An

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1	284.134.272	284.880.815
Tăng trong năm	387.859.437	295.181.143
Phân bổ trong năm	(265.556.328)	(295.927.686)
Tại ngày 31 tháng 12	406.437.381	284.134.272

Chi tiết các khoản trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	183.974.087	202.240.616
Chi phí đền bù (*)	49.143.723	-
Công cụ, dụng cụ	113.036.435	25.403.632
Thuê nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng	24.276.910	25.527.723
Chi phí bảo trì và sửa chữa lớn	20.227.812	21.059.007
Chi phí quảng cáo	4.596.221	4.085.041
Các chi phí khác	11.182.193	5.818.253
	406.437.381	284.134.272

(\*) Khoản đền bù thiệt hại do ngừng hoạt động với số tiền 49 tỷ đồng cho Công ty TNHH Hoàng Long do mua lại toàn bộ nhà xưởng và các vật kiến trúc được xây dựng trên đất thuê của Nhà nước trả tiền hàng năm, tại Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**13 LỢI THÉ THƯƠNG MẠI**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	307.056.350	342.470.767
Tăng trong năm	13.323.754	-
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 30)	(35.524.451)	(35.414.417)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>284.855.653</u>	<u>307.056.350</u>

**14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

**(a) Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	5.493.787.282	3.642.964.051
Vay cá nhân (ii)	4.921.456	5.914.784
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	186.200.000	44.500.000
	<hr/>	<hr/>
	<u>5.684.908.738</u>	<u>3.693.378.835</u>

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(a) Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

- (i) Tập đoàn có các hợp đồng vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng cho vay	Tổng hạn mức (Triệu đồng tương đương)	Mức lãi suất hàng năm	Dư nợ tại ngày 31.12.2012 (Triệu đồng)	Tài sản thế chấp
Vietcombank	3.060.000	6,5%-15,8%	1.913.011	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
BIDV	1.400.000	6,5%-15,6%	644.408	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
HSBC	785.400	5,0%-14,0%	762.651	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Standard Chartered	420.000	5,0%-5,6%	172.900	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
ANZ	414.000	4,8%-5,5%	341.069	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Quân Đội	500.000	12,0%-15,0%	126.590	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
ACB	500.000	7,5%	500.000	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Oceanbank	750.000	6,1%	121.879	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Indovina	210.000	5,3%-5,5%	141.411	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Eximbank	270.000	6,5%-15,6%	-	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Shinhan Bank	209.000	11,0%-12,0%	137.334	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
JP MORGAN	420.000	5,8%	299.455	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
Công ty tài chính dầu khí (PVFC)	600.000	12,0%	333.079	Quyền SDD và TS gắn liền với đất, hàng tồn kho
			<b><u>5.493.787</u></b>	

- (ii) Thẻ hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm và không chịu lãi suất từ Ông Nguyễn Thế Lam. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư vào MESCO.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)****(b) Vay và nợ dài hạn**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Các khoản vay và nợ dài hạn	711.361.164	139.662.084

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn vay bởi các đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

		<b>1.000 đồng</b>
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai Trường Hải	(i)	67.511.603
Công ty TNHH MTV Gia Công Thép Chu Lai Trường Hải	(ii)	17.860.751
Công ty Cổ Phần Ô tô Trường Hải	(iii)	809.999.080
Công ty Cổ phần Sản xuất Phụ tùng Ô tô MESCO		1.900.000 289.730
Tổng cộng các khoản vay dài hạn		897.561.164
Trừ: Khoản vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))		(186.200.000)
		<u>711.361.164</u>

- (i) Khoản vay có hạn mức 190 tỷ đồng vay trong năm 2009 để thanh toán cho việc xây dựng nhà máy và lắp đặt dây chuyền sơn khung gầm. Khoản vay chịu lãi suất 18%/năm và được hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay có hạn mức 89 tỷ đồng vay để thanh toán cho việc đầu tư tài sản cố định. Khoản vay chịu lãi suất 18%/năm và được hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của một công ty lắp ráp ô tô với nguyên giá là 111 tỷ đồng.
- (iii) Khoản vay có hạn mức 810 tỷ đồng vay từ một ngân hàng thương mại cổ phần trong năm 2012 để cơ cấu tài chính bù đắp nguồn vốn ngắn hạn đầu tư tài sản cố định và đầu tư các dự án khác. Khoản vay chịu lãi suất 12,5%/năm và được hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định.



**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Các bên thứ ba	1.217.885.144	1.256.326.789

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, những khoản phải trả người bán chủ yếu bao gồm:

	<b>1.000 đồng</b>	<b>Nội dung</b>
Hyundai Corporation	450.668.702	Nhập khẩu hàng hóa
Mazda Motor Corporation	138.774.873	Nhập khẩu hàng hóa
Huyndai Motor Company	127.926.635	Nhập khẩu hàng hóa
Kia Motors Corporation	64.393.498	Nhập khẩu hàng hóa
Hanwha Corporation	51.700.116	Nhập khẩu hàng hóa

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.517.188	18.534.724
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33.524.801	45.351.841
Thuế tiêu thụ đặc biệt	117.501.018	191.140.677
Thuế xuất, nhập khẩu	38.053.664	64.833.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.745.977	4.531.360
Các loại thuế khác	1.692.561	2.260.028
	<u>255.035.209</u>	<u>326.651.704</u>

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Lãi tiền vay ngân hàng	18.067.930	8.377.429
Lương và các chi phí liên quan	4.958.310	6.219.161
Chi phí quảng cáo	320.869	1.225.745
Chi phí giao nhận	2.821.553	8.820.621
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	117.487.022	2.030.692
Các chi phí khác	13.964.104	15.917.361
	<u>157.619.788</u>	<u>42.591.009</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Phải trả cổ tức (Thuyết minh 24)	256.624	40.267.576
Các khoản phải trả khác	16.140.779	15.264.083
	<u>16.397.403</u>	<u>55.531.659</u>

**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là dự phòng bảo hành nhằm bảo trì, sửa chữa miễn phí những xe đã bán trong các năm 2011 và 2012.

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	38.381.100	43.256.461
Chi trả	(4.949.960)	(4.875.361)
	<u>33.431.140</u>	<u>38.381.100</u>

**21 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng mỗi cơ quan thuế của các công ty trong Tập đoàn.

Số liệu về bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	8.079.312	8.595.278
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.969.138	(515.966)
	<u>11.048.450</u>	<u>8.079.312</u>

**21 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)**

Số liệu về bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(109)	-
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	(109)	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, các khoản trích trước và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của các khoản mục có gốc ngoại tệ trừ các khoản nợ phải trả.

Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Tập đoàn có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo. Các khoản lỗ tính thuế ước tính đang được các công ty con ghi nhận có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của các công ty con như sau:

<b>Năm phát sinh lỗ</b>	<b>Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế</b>	<b>Khoản lỗ thuế</b> <b>1.000 đồng</b>
2007	Chưa quyết toán	2.442.516
2008	Chưa quyết toán	11.819.375
2009	Chưa quyết toán	1.326.791
2010	Chưa quyết toán	21.641.012
2011	Chưa quyết toán	39.375.558
2012	Chưa quyết toán	88.060.418
		<hr/> <hr/>

**22 VỐN CỔ PHẦN**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2012</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2011</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	325.000.000	250.000.000
	<hr/>	<hr/>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	325.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại	(180.000)	(180.000)
	<hr/>	<hr/>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	324.820.000	249.820.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**22 VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)**

**(b) Chi tiết vốn cổ phần**

Chi tiết về cơ cấu vốn cổ phần như sau:

	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng Số cổ phiếu
	Số cổ phiếu	Tỉ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phiếu	Tỉ lệ nắm giữ (%)	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	175.222.465	70,09	74.777.535	29,91	<b>250.000.000</b>
Tăng trong năm	-	-	5.678.685	-	<b>5.678.685</b>
Giảm trong năm	(5.678.685)	-	-	-	<b>(5.678.685)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	169.543.780	67,82	80.456.220	32,18	<b>250.000.000</b>
Tăng trong năm	50.824.897	-	24.175.103	-	<b>75.000.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	220.368.677	67,81	104.631.323	32,19	<b>325.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu.

Danh sách các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

	Số cổ phiếu	Giá trị 1.000 đồng	%
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trần Oanh	161.610.099	1.616.100.990	49,73
Jardine Cycle & Carriage Ltd.	104.048.785	1.040.487.850	32,02
Ông Trần Bá Dương	28.018.774	280.187.740	8,62
Bà Viên Diệu Hoa	16.057.671	160.576.710	4,94
Bà Trần Thị Bạch Tuyết	4.692.831	46.928.310	1,44
Khác	10.571.840	105.718.400	3,25
	<b>325.000.000</b>	<b>3.250.000.000</b>	<b>100,00</b>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	250.000.000	2.500.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	(180.000)	(1.800.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	249.820.000	2.498.200.000
Cổ phiếu mới phát hành	75.000.000	750.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<b>324.820.000</b>	<b>3.248.200.000</b>

## 23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần 1.000 đồng	Thặng dư vốn cổ phần 1.000 đồng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái 1.000 đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.000 đồng	Cổ phiếu quỹ 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	2.500.000.000	858.035.894	41.847.148	995.775.931	-	<b>4.395.658.973</b>
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	(6.840.000)	<b>(6.840.000)</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	669.497.893	-	<b>669.479.893</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(624.820.000)	-	<b>(624.820.000)</b>
Các thay đổi khác	-	-	(22.173.905)	259.412	-	<b>(21.914.493)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.500.000.000	858.035.894	19.673.243	1.040.713.236	(6.840.000)	<b>4.411.582.373</b>
Vốn tăng trong năm (*)	750.000.000	-	-	(750.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	241.594.884	-	<b>241.594.884</b>
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(199.856.000)	-	<b>(199.856.000)</b>
Các thay đổi khác	-	-	(19.673.243)	63.938	-	<b>(19.609.305)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.250.000.000	858.035.894	-	332.516.058	(6.840.000)	<b>4.433.711.952</b>

(\*) Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết nghị việc chia cổ tức và tăng vốn điều lệ của Công ty như sau: trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ thực hiện là 10:3 (10 cổ phiếu hiện hữu sẽ nhận 03 cổ phiếu mới) ở mệnh giá, giá trị chia cổ tức bằng cổ phiếu là 750 tỷ đồng, nguồn chia cổ tức là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tổng số lượng cổ phiếu mới phát hành thêm là 75 triệu cổ phần và vốn điều lệ tăng thêm 750 tỷ đồng từ 2.500 tỷ đồng lên thành 3.250 tỷ đồng. Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 ngày 25 tháng 12 năm 2012 phê duyệt việc tăng vốn điều lệ này.

(\*\*) Tại Đại hội Cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2012, các cổ đông đã phê chuẩn việc chia cổ tức 449.676 triệu đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm 2011, Tập đoàn đã tạm chia cổ tức 249.820 triệu đồng, và phần cổ tức 2011 còn lại 199.856 triệu đồng đã được Tập đoàn chi trả trong năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**24 CỐ TỨC PHẢI TRẢ**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1	40.267.576	1.399
Cố tức công bố trong năm (Thuyết minh 35(a)(ii))	949.856.000	624.820.000
Cố tức đã chi trả bằng tiền trong năm	(239.866.952)	(584.553.823)
Cố tức đã chi trả bằng cổ phiếu trong năm	(750.000.000)	-
	<u>256.624</u>	<u>40.267.576</u>

**25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu mà Công ty mua lại và nắm giữ làm cổ phiếu quỹ.

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (1.000 đồng)	241.594.884	669.497.893
Số lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành (cổ phiếu)	250.025.479	249.902.849
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>966</u>	<u>2.679</u>

**26 DOANH THU**

**(a) Doanh thu thuần**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán xe	10.930.002.388	12.618.871.954
Doanh thu bán phụ tùng	235.013.008	201.851.387
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.276.105	47.014.231
Doanh thu khác	56.017.600	27.338.978
	<u>11.302.309.101</u>	<u>12.895.076.550</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(880.098.118)	(1.262.081.991)
Hàng bán bị trả lại	(21.079.074)	(21.686.240)
Các khoản giảm trừ doanh thu khác	(11.932.682)	(117.244)
	<u>(913.109.874)</u>	<u>(1.283.885.475)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>10.389.199.227</u>	<u>11.611.191.075</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**26 DOANH THU (tiếp theo)****(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.647.518	12.260.078
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.534.940	3.779.814
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.781.223	14.442.593
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	26.963.071	-
Các thu nhập tài chính khác	9.070.499	517.418
	<u>73.997.251</u>	<u>30.999.903</u>

**27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Giá vốn bán xe	8.541.560.528	9.545.464.955
Giá vốn bán phụ tùng	131.265.090	137.471.660
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.058.210	30.765.224
Khác	38.406.801	12.895.909
Trích lập thêm/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.974.206	(18.211.397)
	<u>8.733.264.835</u>	<u>9.708.386.351</u>

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Chi phí lãi vay	584.600.149	241.395.537
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.315.962	145.623.745
Khác	13.218.659	5.802.615
	<u>618.134.770</u>	<u>392.821.897</u>

**29 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí nhân viên	106.813.901	79.812.836
Chi phí đào tạo huấn luyện	101.673.159	83.591.043
Chi phí vận chuyển	87.301.408	109.235.496
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	66.906.046	33.705.740
Chi phí thuê mặt bằng, sửa chữa CCDC, TSCĐ	27.201.777	20.006.214
Chi phí bảo hành bảo dưỡng	24.552.843	92.046.567
Khấu hao tài sản cố định	17.648.245	12.479.413
Chi phí tiện ích	15.470.497	10.977.126

**30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí nhân viên	196.631.224	165.284.509
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	37.809.235	25.936.557
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 13)	35.524.451	35.414.417
Chi phí tiện ích	18.811.557	15.919.993
Chi phí thuê mặt bằng	22.154.568	10.565.166
Phí ngân hàng	15.365.450	32.591.063
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi, tài trợ	12.489.100	18.408.391



31 CHI PHÍ THUẦN KHÁC

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền bồi thường (*)	41.024.506	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	15.403.990	77.579
Dịch vụ đăng ký xe	11.213.631	12.880.228
Tiền phạt thanh toán chậm	9.732.184	6.620.042
Thuế các năm trước được hoàn trong năm nay	7.636.499	330.090
Thu nhập khác	17.743.418	16.713.719
	<u>102.754.228</u>	<u>36.621.658</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản bị tổn thất	(19.130.022)	-
Thuế nhập khẩu điều chỉnh của các năm trước	(17.183.524)	(11.326.720)
Lỗi do thanh lý phế liệu, công cụ, dụng cụ	(3.808.114)	(10.942.930)
Tiền phạt	(27.063.316)	(3.679.855)
Dịch vụ đăng ký xe	(2.788.532)	(3.178.661)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(13.386.977)	(1.629.473)
Chi phí khác	(24.051.117)	(8.914.665)
	<u>(107.411.602)</u>	<u>(39.672.304)</u>
Chi phí thuần khác	<u>(4.657.374)</u>	<u>(3.050.646)</u>

(\*) Khoản thu nhập khác này là tiền bồi thường từ công ty bảo hiểm liên quan đến tài sản bị tổn thất.

**32 THUẾ**

Thuế trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành áp dụng cho Công ty và các công ty con, như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	262.574.416	699.392.590
Thuế tính theo các mức thuế suất tương ứng	11.612.497	19.593.277
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.947.050)	(1.418.476)
Chi phí không được khấu trừ	5.249.860	4.265.444
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	(1.094.592)	958.080
Dự phòng thiếu của năm trước	4.004.270	2.695.614
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	959.711	-
Khác	460.230	51.801
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>17.244.926</u>	<u>26.145.740</u>
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	20.213.955	25.629.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(2.969.029)	515.966
	<u>17.244.926</u>	<u>26.145.740</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.851.058.075	9.959.010.471
Chi phí nhân công	576.789.087	480.840.277
Chi phí khấu hao TSCĐ	350.693.321	242.135.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	625.269.615	539.325.151
Các chi phí khác bằng tiền	103.589.593	214.419.286
	<u>9.507.399.691</u>	<u>11.435.730.788</u>

**34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

**(a) Rủi ro thị trường****(i) Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Tập đoàn phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô La Mỹ (“USD”) và Yên Nhật (“JPY”). Ảnh hưởng của Won Hàn Quốc (“WON”) là không đáng kể.

Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng cách giữ mức độ rủi ro ngoại tệ ở một mức chấp nhận được thông qua việc thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay để xử lý việc mất cân đối ngoại tệ ngắn hạn. Tập đoàn không tham gia các giao dịch phái sinh như mua bán, hoán đổi ngoại tệ vì Tập đoàn cho rằng chi phí của các công cụ này là cao hơn rủi ro tiềm tàng của biến động của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Tập đoàn được trình bày như sau:

	<b>Ngoại tệ gốc (USD)</b>	
	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	120.989	69.924
Phải thu khách hàng và phải thu khác	954.157	891.076
Trả trước cho nhà cung cấp	184.628	71.926
	<u><b>1.259.774</b></u>	<u><b>1.032.926</b></u>
<b>Nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	(70.594.211)	(132.228.653)
Phải trả người bán và phải trả khác	(35.516.008)	(46.787.196)
	<u><b>(106.110.219)</b></u>	<u><b>(179.015.849)</b></u>
<b>Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần</b>	<u><b>(104.850.445)</b></u>	<u><b>(177.982.923)</b></u>
<b>Quy đổi sang ngàn VNĐ</b>	<u><b>(2.184.669.184)</b></u>	<u><b>(3.707.028.313)</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu USD mạnh lên/yếu đi 1% so với VNĐ trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 21.847 triệu đồng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ còn lại.

**34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)*

Rủi ro tỷ giá Yên Nhật của Tập đoàn được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc (JPY)	
	2012	2011
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	298.149	6.503.792
<b>Nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	(671.912.004)	(274.590.500)
Phải trả người bán và phải trả khác	(570.875.112)	(225.335.443)
	<u>(1.242.787.116)</u>	<u>(499.925.943)</u>
<b>Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần</b>	<u><b>(1.242.488.967)</b></u>	<u><b>(493.422.151)</b></u>
<b>Quy đổi sang ngàn VNĐ</b>	<u><b>(300.722.044)</b></u>	<u><b>(131.328.552)</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu JPY mạnh lên/yếu đi 1% so với VNĐ trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn đồng Việt Nam 3.007 triệu đồng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Yên Nhật còn lại.

*(ii) Rủi ro lãi suất*

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 63.963 triệu đồng (2011: 38.330 triệu đồng) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Chính sách của Tập đoàn là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**34 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu

	Dưới 1 năm 1.000 đồng	Từ 1 đến 2 năm 1.000 đồng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	1.197.195.076	100.000
Các khoản vay	5.548.908.738	847.361.164
	<u>6.746.103.814</u>	<u>847.461.164</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	1.311.438.636	-
Các khoản vay	3.693.378.835	125.372.354
	<u>5.004.817.471</u>	<u>125.372.354</u>

**35 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

***i) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt***

	2012 1.000 đồng	2011 1.000 đồng
Hội đồng Quản trị	1.440.000	1.235.000
Ban kiểm soát	1.080.000	1.040.000
Ban Tổng Giám đốc	11.852.191	11.287.316
	<u>14.372.191</u>	<u>13.562.316</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TRƯỜNG HẢI**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**35 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

**ii) Hoạt động tài chính**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Cổ tức bằng tiền đã công bố cho các cổ đông (*)	199.856.000	624.820.000
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố cho các cổ đông (*)	750.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	986.542.863	5.790.143
(*) Tổng cổ tức đã công bố cho các cổ đông của Tập đoàn trong năm như sau:		
Công Ty TNHH SX & TM Trân Oanh	472.588.894	310.573.292
Jardine Cycle & Carriage Ltd.	304.265.026	190.778.720
Ông Trần Bá Dương	81.934.005	40.073.298
Bà Viên Diệu Hoa	46.956.710	30.875.000
Bà Trần Thị Bạch Tuyết	13.723.035	9.161.172
Các cổ đông khác	30.388.330	43.358.518
	<u>949.856.000</u>	<u>624.820.000</u>

**(b) Số dư tại ngày 31 tháng 12 với các bên liên quan**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
<b>i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng (Công ty liên doanh)	<u>2.986.030</u>	<u>2.981.803</u>
<b>ii) Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty TNHH Thaco Kia - Đà Nẵng (Công ty liên doanh)	43.530	41.518
Công ty TNHH MTV Trường Phú (*)	245.222	79.331
	<u>288.752</u>	<u>120.849</u>

(\*) Một đơn vị mà Công ty có đầu tư vốn.

**36 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, thuê văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm, tiền thuê đất trả hằng năm mà Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Dưới 1 năm	11.035.338	14.063.035
Từ 1 đến 5 năm	20.751.643	46.358.766
Trên 5 năm	48.757.685	137.374.160
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>80.544.666</b>	<b>197.795.961</b>

**37 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu mua sắm và xây dựng tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Nhà xưởng, phòng trưng bày sản phẩm, máy móc và thiết bị	387.162.500	311.720.639

**38 CÁC CAM KẾT KHÁC**

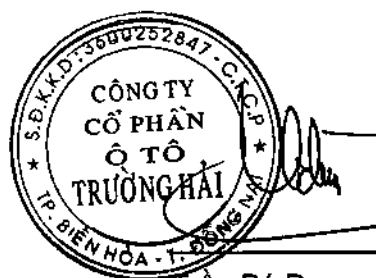
Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có một số cam kết thanh toán nhưng chưa được phản ánh lên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<b>2012</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2011</b> <b>1.000 đồng</b>
Thư tín dụng không hủy ngang	1.679.380.224	1.902.518.872

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2013.



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Tổng Giám đốc